

BÁO CÁO PHÂN TÍCH CỔ PHIẾU:

PETROLSETCO - PET

Ngành: Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

Giá mục tiêu: 31.000

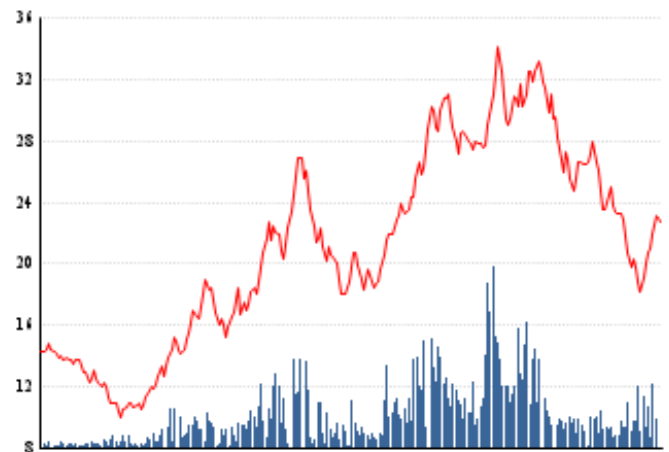
Khuyến nghị: Mua

SƠ LƯỢC DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Dầu khí (PETROSETCO) là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, hiện tại đã trở thành doanh nghiệp điển hình của ngành dầu khí hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó các lĩnh vực chính bao gồm: kinh doanh các sản phẩm dầu khí; thương mại, xuất nhập khẩu hàng hóa; kho tàng; sản xuất và kiểm định vỏ bình khí; xuất khẩu lao động; phân phối điện thoại di động; phân phối phân đạm; kinh doanh địa ốc v.v...

Giá ngày (29/12/2009):

23.000



Tỷ lệ sở hữu: Sở hữu NN: 51.0(%); Sở hữu khác: 35.0(%)

CÁC CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG		
Chỉ tiêu:	PET	Ngành
Ngày niêm yết:	13/08/07	25(mã)
Số CP lưu hành bq(cp):	50.564.000	428.486.444
Vốn hóa (tỷ đồng):	1.128,47	19.197,82
EPS (4 Quý gần nhất):	2.260	4.793
Giá trị sổ sách:	12.140	17.651
P/E (29/12/2009)	10,18	9,35
P/B (29/12/2009)	1,9	2,54

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TỶ ĐỒNG)			
Chỉ tiêu	2007	2008	4 quý gần nhất
Doanh thu thuần	2.695,34	5.286,38	6.703,54
Tăng trưởng (%)	264,31	96,13	26,81
Giá vốn hàng bán	-2.496,22	-4.902,62	-6.177,35
Tỷ lệ lãi gộp (%)	7,39	7,26	7,85
Chi phí hoạt động	-138,85	-212,29	-341,70
Lợi nhuận sau thuế	52,13	88,34	114,29
Tăng trưởng (%)	777,13	69,47	29,37
Tổng tài sản	1.176,91	1.597,74	2.290,18
Tăng trưởng (%)	108,84	35,76	43,34
Nợ phải trả	635,76	1.016,82	1.676,33
Vốn điều lệ	482,54	490,64	505,64
Vốn chủ sở hữu	541,15	580,92	613,86

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Khả năng thanh toán:	ĐVT	2006	Ngành	2007	Ngành	2008	Ngành	4Q	Ngành
Thanh toán hiện hành:	Lần	1,87	1,79	1,85	1,76	1,57	1,80	1,43	1,77
Thanh toán nhanh:	Lần	1,00	1,45	1,47	1,42	1,29	1,49	1,24	1,48
2. Cấu trúc vốn:									
Nợ / Tổng tài sản:	Lần	0,5	0,56	0,54	0,57	0,64	0,55	0,70	0,57
Nợ / Vốn chủ sở hữu:	Lần	1,15	1,32	1,17	1,39	1,75	1,34	2,33	1,43

P/E thị trường ngày 29/12/2009:	14,80
Thị giá thị trường ngày 29/12/2009:	23.000
Giá cao nhất trong 01 năm:	34.200
Giá thấp nhất trong 01 năm:	10.000
Khối lượng bình quân/phiên trong 01tháng:	378.404

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH DOANH

Hoạt động chính

Với doanh thu chính từ hoạt động thương mại, phân phối điện thoại di động, máy tính xách tay. Với hệ thống phân phối được phát triển ở hầu hết các tỉnh thành trên toàn quốc với thị phần khoảng 45%, trở thành nhà phân phối điện thoại nokia hàng đầu tại Việt Nam. Hoạt động thương mại chiếm tới hơn 90% doanh thu và lợi nhuận của công ty. Tuy nhiên, mảng phân phối điện thoại di động đang dần bão hoà, trong thời gian tới chúng tôi kỳ vọng vào mảng phân phối máy tính xách tay của công ty – Bắt đầu tham gia phân phối từ quý 4/2008. Như vậy trong thời gian tới mảng hoạt động chính của công ty sẽ không có sự tăng trưởng mạnh.

Dự án Ethanol Quảng Ngãi

Dự án này được kỳ vọng sẽ mang lại thu nhập bền vững cho công ty khi nhà máy đi vào hoạt động vào năm 2011. Với tổng đầu tư là 120 triệu USD tại khu công nghiệp phía Đông-khu kinh tế Dung Quất, trên diện tích 30ha, nhà máy sản xuất Bio-Ethanol nhiều liệu, công suất 100 triệu lít/năm.

Kinh doanh bất động sản

Dự án Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi: Với diện tích xây dựng 9.770m² với 10 tầng(Không kể tầng hầm, tầng lửng và tầng kỹ thuật) với diện tích văn phòng cho thuê là 570m², 1 phòng hội nghị, nhà hàng, 70 phòng ngủ 3 sao... Công trình đã hoàn thành và đi vào sử dụng, dự kiến doanh thu năm 2009 là 10 tỷ đồng.

Các dự án PetroSetco Tower tại TPHCM, Dự án tại số 12 Trương Công Định tại TP. Vũng Tàu, dự án số 1 Trần Khắc Chung, phường 7, Vũng Tàu. Dự án 37 đường 30/4, phường 9 và dự án tại ngã tư 30/4 đường Lê Quang Định. Các dự án này mới được dự kiến sẽ triển khai, chưa có kế hoạch cụ thể. Như vậy, mảng BDS sẽ chưa mang lại thu nhập trong thời gian tới cho PET.

Hoạt động kinh doanh dịch vụ dầu khí và phân phối nông sản

Đây là 2 mảng mang khoảng 8% doanh thu và lợi nhuận của công ty với tỷ lệ lợi nhuận gộp khoảng 10% với dịch vụ dầu khí và 5% với phân phối nông sản. Nhìn chung 2 mảng dịch vụ này cũng không có sự tăng trưởng mạnh trong thời gian tới.

Phân phối hạt nhựa PP

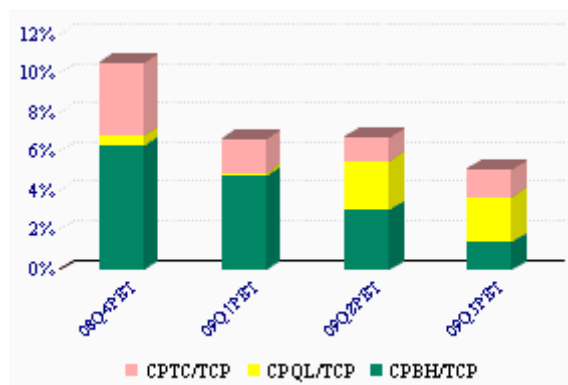
Với tư cách là nhà phân phối độc quyền sản phẩm trên thị trường từ tháng 3/2010 của nhà máy lọc dầu Dung Quất. Với công suất thiết kế 150.000 tấn, thì dự kiến doanh thu hàng năm từ phân phối đạt khoảng 150 triệu USD.

Như vậy, trong thời gian tới nguồn thu chủ yếu của PET vẫn chủ yếu từ hoạt động thương mại. Với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các công ty trong cùng nhóm ngành, nhất là từ FPT và tình trạng dần bão hoà của sản phẩm điện thoại sẽ làm cho PET gặp nhiều khó khăn trong thời gian tới. Tuy nhiên, với kế hoạch kinh doanh và những dự án của mình thì công ty đang lấy dự án ngắn nuôi dự án dài. Nguồn thu nhập của PET sẽ ổn định và tăng trưởng dần khi nhà máy sản xuất hạt nhựa PP và Ethanol đi vào hoạt động.

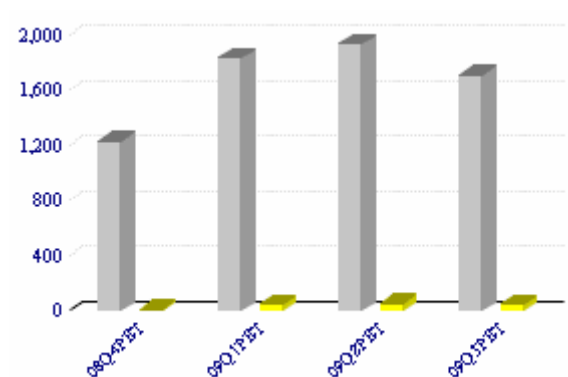
CƠ CẤU LỢI NHUẬN



CƠ CẤU CHI PHÍ



DOANH THU & LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trong cơ cấu vốn của PET nợ ngân hàng chiếm một tỷ trọng rất lớn với 1.353 tỷ đồng tiền vay ngân hàng, chiếm tới 59% tổng tài sản và gấp 2,1 lần vốn chủ sở hữu. Như vậy, PET sẽ chịu tác động rất lớn từ chính sách lãi suất, với việc ngừng hỗ trợ lãi suất ngắn hạn và việc tăng lãi suất cơ bản lên 8%/năm thì chi phí lãi vay của công ty trong năm 2010 ước tính sẽ tăng thêm khoảng gần 40 tỷ.

Với hoạt động thương mại, nhập khẩu hàng công nghệ PET cũng chịu tác động từ chính sách tỷ giá. Tuy nhiên, PET được sự hỗ trợ nguồn USD từ Tập đoàn Dầu khí nên PET có thể chủ động hơn so với đối thủ trực tiếp FPT.

Cùng với chính sách chung của tập đoàn, PET đã thanh lý hết khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn để tập trung vào các dự án dài hạn và ngành nghề kinh doanh chính. Tính đến cuối quý 3, lượng tiền mặt trong quỹ, cũng như khoản gửi ngắn hạn lên tới 593 tỷ đồng, điều này cho phép PET dễ dàng thực hiện các kế hoạch đầu tư của mình trong thời gian tới.

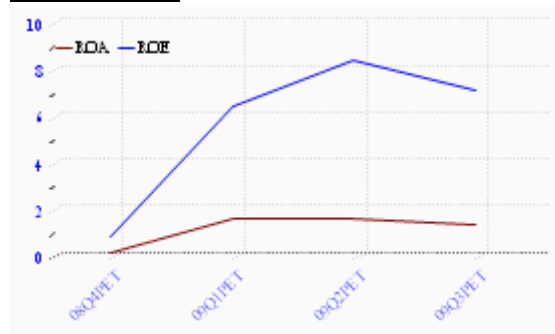
Tính đến cuối quý 3 năm 2009, công ty đã hoàn thành 98% kế hoạch doanh thu và 131% kế hoạch lợi nhuận. Thông tin mới nhất từ công ty, ước tính năm 2009 doanh thu của công ty đạt 7.615 tỷ, tăng 36% so với kế hoạch, và lợi nhuận đạt 150 tỷ, tăng 70% so với năm 2008 và tăng 50% so với kế hoạch. Như vậy, EPS09 bình quân sẽ đạt tương ứng là 2.970 đồng/cp. Với mức giá ngày 29/12/2009 là 23.000đ thì P/E tương ứng 7,7 hấp dẫn hơn so với các công ty cùng ngành với P/E bình quân là 9,35.

Quan điểm đầu tư

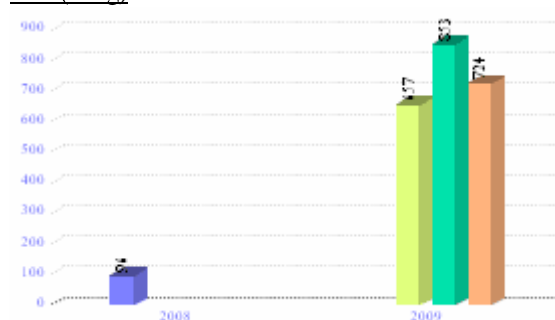
Với kỳ vọng vào dự án Ethanol sẽ đi vào hoạt động vào đầu năm 2011 và phân phối hạt nhựa PP của nhà máy lọc dầu Dung Quất, cùng với sự lấn sân sang lĩnh vực bất động sản. Với mức P/E và thị giá thời điểm hiện tại thấp, nhà đầu tư có thể xem xét đầu tư dài hạn cổ phiếu này.

Với khoản vay ngân hàng rất lớn, chính sách lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của PET. Rủi ro từ dự án Ethanol và phân phối hạt nhựa PP chưa đi vào hoạt động nên chưa được kiểm chứng về hiệu quả hoạt động.

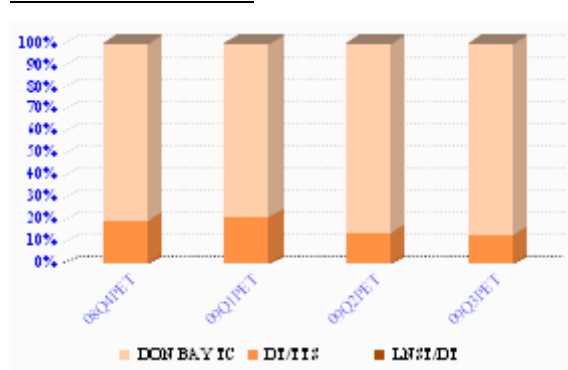
ROA - ROE (%)



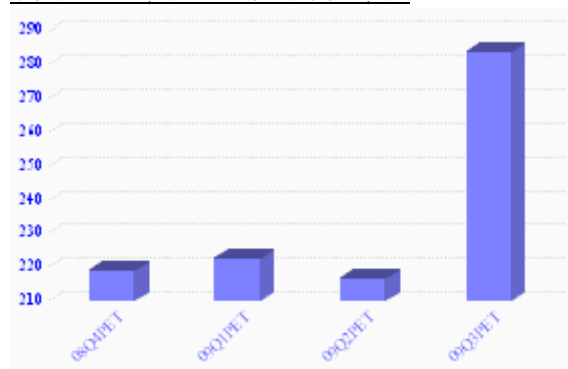
EPS (đồng)



PHÂN TÍCH DUPONT



VỐN DÀI HẠN - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



TIN TỨC DOANH NGHIỆP

Ngày

Nội dung tin

CÁC CÔNG TY TRONG NGÀNH (25 CÔNG TY)
Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

STT	MÃ CK	Giá (đồng)	EPS (đồng)			ROA	Nợ/Tổng TS (lần)	Thặng dư vốn/Cổ phiếu lưu hành	Số CPLH bình quân (triệu cp)
		29/12/2009	2007	2008	4 quý gần nhất	4 Quý (đồng)			
1	FPT	79.000	9.532	7.446	9.860	0,52	0,57	387	141,83
2	SFC	46.500	2.455	4.918	7.710	0,42	0,50	4.758	5,17
3	SMC	28.500	4.617	6.555	5.447	0,24	0,90	5.030	11,91
4	KHA	24.000	1.015	2.721	5.063	0,30	0,11	5.872	14,12
5	TMC	53.800	4.391	5.202	4.735	0,22	0,57	4.392	4,00
6	GIL	34.200	2.596	3.010	4.458	0,14	0,31	15.060	10,22
7	COM	54.000	1.899	2.259	4.241	0,12	0,24	18.293	8,70
8	TNG	23.900	3.149	3.631	4.164	0,25	1,39	1.238	5,43
9	SVC	35.600	4.963	2.716	3.932	0,16	0,67	9.134	20,36
10	STP	33.900	1.997	2.431	3.670	0,19	0,26	5.650	3,50
11	TNA	20.100	3.916	4.355	3.643	0,16	1,37	9.538	4,48
12	NST	19.100	3.477	3.505	3.492	0,18	1,25	2.665	3,91
13	PHT	39.900	4.552	4.878	2.673	0,20	0,93	0	11,00
14	SAV	42.000	1.555	1.363	2.505	0,09	0,53	14.411	9,96
15	PET	23.000	1.080	1.801	2.260	0,19	0,82	25	50,56
16	PGS	24.000	708	2.006	1.864	0,16	1,03	0	15,00
17	PPG	12.800	1.754	3.864	1.715	0,12	0,48	252	4,00
18	PGC	19.800	1.869	76	1.430	0,07	0,47	5.131	25,37
19	TMX	13.000	0	873	964	0,09	0,60	0	6,00
20	PVG	23.800	611	293	132	0,01	0,73	741	26,62
21	SHN	16.500	641	30	0	0,00	0,68	58	8,70
22	THI	51.400	11.529	5.249	0	0,00		0	8,89
23	PIT	13.600	3.660	1.493	-175	-0,01	0,43	7.378	10,74
24	HSI	10.900	2.527	1.988	-371	-0,03	0,90	895	10,00
25	MTG	11.600	1.590	-1.947	-1.392	-0,08	0,19	7.684	8,00

Ghi chú:

Nợ / Tổng tài sản: được tính tại thời điểm cuối quý.

Thặng dư vốn: Được tính tại thời điểm cuối quý.

Cổ phiếu lưu hành: Được tính bình quân 4 quý gần nhất.